

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----***-----

QUY CHẾ QUẢN TRỊ CÔNG TY

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN BẤT ĐỘNG SẢN PHÁT ĐẠT

TP. HỒ CHÍ MINH, NGÀY 30 THÁNG 03 NĂM 2018

MỤC LỤC

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG	3
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	3
Điều 2. Giải thích thuật ngữ	3
CHƯƠNG II: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG	4
Điều 3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	4
Điều 4. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông	4
Điều 5. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông	4
Điều 6. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết trong Đại hội đồng cổ đông	4
Điều 7. Cách thức kiểm phiếu	5
Điều 8. Thông báo kết quả kiểm phiếu	5
Điều 9. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông	5
Điều 10. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	5
Điều 11. Công bố Nghị quyết	5
Điều 12. Việc Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	5
CHƯƠNG III: THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	5
Điều 13. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị	5
Điều 14. Quyền hạn và trách nhiệm của Hội đồng quản trị	5
Điều 15. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị	5
Điều 16. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị	6
Điều 17. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	6
Điều 18. Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	6
Điều 19. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị	6
Điều 20. Ngân sách hoạt động và tiền thưởng của Hội đồng quản trị	6
CHƯƠNG IV: HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	7
Điều 21. Thông báo họp Hội đồng quản trị	7
Điều 22. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị	7
Điều 23. Cách thức biểu quyết	7
Điều 24. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị	7
Điều 25. Ghi biên bản họp Hội đồng quản trị	7
Điều 26. Thông báo nghị quyết Hội đồng quản trị	7
Điều 27. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên	7
CHƯƠNG V: BAN KIỂM SOÁT	8
Điều 28. Tiêu chuẩn Kiểm soát viên	8
Điều 29. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên	8
Điều 30. Quyền hạn và trách nhiệm của Kiểm soát viên	8
Điều 31. Cách thức bầu Kiểm soát viên	8
Điều 32. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên	8
Điều 33. Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên	8

Điều 34. Trình tự, thủ tục tổ chức cuộc họp Ban kiểm soát	9
Điều 35. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.....	9
Điều 36. Chi phí hoạt động của Ban kiểm soát.....	10
CHƯƠNG VI: CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	10
Điều 37. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.....	10
Điều 38. Nguyên tắc hoạt động của các tiểu ban	10
CHƯƠNG VII: NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP	10
Điều 39. Các tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp	10
Điều 40. Tổng Giám đốc.....	10
Điều 41. Việc bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp khác	10
Điều 42. Ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp	10
Điều 43. Các trường hợp miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp	11
Điều 44. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp	11
CHƯƠNG VIII: NGƯỜI LIÊN QUAN VÀ CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN	11
Điều 45. Công khai danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan	11
Điều 46. Giao dịch với người có liên quan	11
Điều 47. Đảm bảo quyền hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đến Công ty	11
CHƯƠNG XIX: PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC	12
Điều 48. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.....	12
Điều 49. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc	13
Điều 50. Việc tiếp cận thông tin và cung cấp thông tin theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên	14
Điều 51. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc.....	15
Điều 52. Phối hợp giữa Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	16
CHƯƠNG X: NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY	16
Điều 54. Tiêu chuẩn của người phụ trách quản trị công ty	16
Điều 55. Quyền và nghĩa vụ của người phụ trách quản trị công ty	16
Điều 56. Bổ nhiệm và bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty	16
CHƯƠNG XI: NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH	17
Điều 57. Trách nhiệm cản trở.....	17
Điều 58. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	17
Điều 59. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	18
CHƯƠNG XII: CÔNG BỐ THÔNG TIN	18
Điều 60. Công bố thông tin định kỳ.....	18
Điều 61. Công bố thông tin bất thường.....	18
CHƯƠNG XIII: SỬA ĐỔI QUY CHẾ QUẢN TRỊ CÔNG TY.....	19
Điều 62. Sửa đổi Quy chế quản trị công ty	19
CHƯƠNG XIV: NGÀY HIỆU LỰC.....	19
Điều 63. Ngày hiệu lực	19

QUY CHẾ QUẢN TRỊ CÔNG TY
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN BẤT ĐỘNG SẢN PHÁT ĐẠT

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/ĐHĐCĐ-NQ.2018 ngày 30/03/2018 của Đại hội đồng cổ đông)

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế quản trị công ty của Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Phát Đạt được xây dựng theo quy định của:

a. Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 (“Luật Doanh nghiệp”);

b. Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 06 năm 2006 (“Luật Chứng khoán”);

c. Luật số 62/2010/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11;

d. Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng (“Nghị định 71/2017/NĐ-CP”);

e. Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 09 năm 2017 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 06 năm 2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng (“Thông tư số 95/2017/TT-BTC”); và

f. Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Phát Đạt.

2. Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp của Công ty.

3. Quy chế này cũng là cơ sở để đánh giá việc quản trị công ty.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

1. Chữ viết tắt:

a. “Điều lệ” là Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;

b. “Công ty” là Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Phát Đạt;

c. “Đại hội đồng cổ đông” là Đại hội đồng cổ đông của Công ty;

d. “Hội đồng quản trị” là Hội đồng quản trị của Công ty;

e. “Ban kiểm soát” là Ban kiểm soát của Công ty;

2. Những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a. “Quản trị công ty” là hệ thống các nguyên tắc, bao gồm:

- Bảo đảm cơ cấu quản trị hợp lý;
- Bảo đảm hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

- Bảo đảm quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan;
- Bảo đảm đối xử công bằng giữa các cổ đông;
- Công khai minh bạch mọi hoạt động của Công ty.

b. “Công ty đại chúng” là Công ty cổ phần được quy định tại Khoản 1, Điều 25 của Luật Chứng khoán;

c. “Cổ đông lớn” là cổ đông được quy định tại Khoản 9, Điều 6 của Luật Chứng khoán;

d. “Người quản lý doanh nghiệp” được quy định tại Khoản 18, Điều 4 của Luật Doanh nghiệp;

e. “Người điều hành doanh nghiệp” là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành doanh nghiệp khác theo quyết định của Hội đồng quản trị trên cơ sở đề nghị của Tổng Giám đốc;

f. “Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành” (sau đây gọi là Thành viên không điều hành) là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành doanh nghiệp khác theo quy định của Điều lệ;

g. “Thành viên độc lập Hội đồng quản trị” (sau đây gọi là Thành viên độc lập) là thành viên được quy định tại Khoản 2, Điều 151 của Luật Doanh nghiệp;

h. Người phụ trách quản trị công ty là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 18 của Nghị định 71/2017/NĐ-CP;

i. Người có liên quan là cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 17, Điều 4 của Luật Doanh nghiệp và Khoản 34, Điều 6 của Luật Chứng khoán;

3. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

4. Trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định về quản trị công ty khác với quy định quản trị công ty tại Quy chế này thì áp dụng quy định của pháp luật chuyên ngành.

CHƯƠNG II

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG

Điều 3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Điều lệ của Công ty và quy định của pháp luật chứng khoán áp dụng cho các công ty niêm yết.

Điều 4. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 21 của Điều lệ và quy định của pháp luật.

Điều 5. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

Điều 6. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết trong Đại hội đồng cổ đông

Cách thức bỏ phiếu biểu quyết trong Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định

tại Điều 23 của Điều lệ và quy định của Luật Doanh nghiệp.

Điều 7. Cách thức kiểm phiếu

Cách thức kiểm phiếu được thực hiện theo quy định tại Điều 25 của Điều lệ và quy định của Luật Doanh nghiệp.

Điều 8. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Sau khi tiến hành kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu sẽ thông báo kết quả kiểm phiếu trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Thông báo kết quả kiểm phiếu phải nêu cụ thể số phiếu tán thành, số phiếu không tán thành, số phiếu không có ý kiến đối với từng vấn đề.

Điều 9. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trình tự, thủ tục phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo các quy định tại Điều 27 của Điều lệ và quy định của Luật Doanh nghiệp.

Điều 10. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Điều 26 của Điều lệ và quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 11. Công bố Nghị quyết

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được công bố thông tin theo quy định tại Điều lệ và các quy định của pháp luật chứng khoán.

Điều 12. Việc Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

Việc Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thực hiện theo quy định tại Điều 24 của Điều lệ và các quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG III

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 13. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2, Điều 18 của Luật Doanh nghiệp;
2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ quy định khác.
3. Thành viên Hội đồng quản trị không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá năm (05) Công ty khác.

Điều 14. Quyền hạn và trách nhiệm của Hội đồng quản trị

Quyền hạn và trách nhiệm của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 28 của Điều lệ.

Điều 15. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị

Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định tại Điều 28 của Điều lệ.

Điều 16. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau theo nguyên tắc chọn ứng viên có số phiếu bầu cao hơn sau khi bầu lại hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ.

Điều 17. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại Điều 29 của Điều lệ.

Điều 18. Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ và các quy định của Luật Doanh nghiệp.

Điều 19. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị

Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại Điều 28 Điều lệ. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông gộp số cổ phần có quyền biểu quyết đề cử các ứng viên thành viên Hội đồng quản trị phải gửi thông báo về việc đề cử ứng viên thành viên Hội đồng quản trị đến người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu mười lăm (15) ngày trước ngày tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Thông báo phải có thông tin cổ đông, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết đang nắm giữ, họ và tên ứng viên được đề cử, và kèm theo thông tin liên quan đến ứng viên thành viên Hội đồng quản trị theo các quy định tại o với ngày dự định nhận đư

Điều 20. Ngân sách hoạt động và tiền thưởng của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị xây dựng ngân sách hoạt động hàng năm, bao gồm cả chi phí hoạt động của các Tiểu ban hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị, và không bao gồm tiền lương của các thành viên Hội đồng quản trị điều hành. Dự toán ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được thanh toán tiền lương, thù lao, tiền thưởng và tất cả các chi phí hoạt động khác theo các quy định tại Điều 31, Điều lệ.
3. Ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị tổ chức quản lý, và được Công ty ghi nhận và hạch toán theo các quy định pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.
4. Tổng số tiền trả cho Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị theo các quy định tại Điều 31, Điều lệ phải được trình bày chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty và được công bố cho các cổ đông được biết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

CHƯƠNG IV

HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 21. Thông báo họp Hội đồng quản trị

Thông báo họp Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại Điều 33, Điều lệ.

Điều 22. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị

Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định tại Khoản 8, Điều 33 của Điều lệ.

Điều 23. Cách thức biểu quyết

Cách thức biểu quyết được thực hiện theo quy định tại Khoản 11, Điều 33 của Điều lệ.

Điều 24. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị

Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại Khoản 13, 14 Điều 33 của Điều lệ.

Điều 25. Ghi biên bản họp Hội đồng quản trị

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị phải được lập chi tiết và rõ ràng theo các quy định tại Điều lệ. Chủ tọa và Thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị. Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ chính của Công ty theo các quy định của pháp luật và Điều lệ.

Điều 26. Thông báo nghị quyết Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị thông báo các nghị quyết của Hội đồng quản trị cho các Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp trong vòng bốn mươi tám (48) giờ kể từ ngày nghị quyết được thông qua; và Công ty công bố thông tin ra công chúng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán, Điều lệ và Quy chế này.

Điều 27. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên

Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

1. Đánh giá tình hình hoạt động của Công ty trong năm tài chính;
2. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông;
3. Kết quả giám sát đối với Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp;
4. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ban kiểm soát;
5. Các kế hoạch trong tương lai và cho năm tài chính tiếp theo;
6. Tổng kết các hoạt động, cuộc họp của Hội đồng quản trị, các quyết định của Hội đồng quản trị và đánh giá kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị;
7. Thù lao, lợi ích, và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị và của từng thành viên Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG V

BAN KIỂM SOÁT

Điều 28. Tiêu chuẩn Kiểm soát viên

Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 1, Điều 164 của Luật Doanh nghiệp; Khoản 1, Điều 40 của Điều lệ và không thuộc các trường hợp sau:

1. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
2. Là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

Điều 29. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại Khoản 1 và Khoản 2, Điều 40 của Điều lệ.
2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban Kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ và Quy chế này. Cơ chế Ban Kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Kiểm soát viên phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 30. Quyền hạn và trách nhiệm của Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên có các quyền và trách nhiệm quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ, Quy chế này và các quy định quản lý nội bộ khác của Công ty.
2. Kiểm soát viên có quyền tiếp cận tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty theo các qui định tại Điều lệ.
3. Công ty xây dựng cơ chế nhằm hỗ trợ Kiểm soát viên hoạt động và thực thi nhiệm vụ một cách có hiệu quả theo các quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế này.
4. Kiểm soát viên có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc cung cấp số liệu, tài liệu và thuyết minh liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo các quy định tại Điều lệ và Quy chế này.

Điều 31. Cách thức bầu Kiểm soát viên

Việc biểu quyết bầu Kiểm soát viên phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho Kiểm soát viên cuối cùng thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ.

Điều 32. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên thực hiện theo quy định tại Khoản 4, 5 Điều 41 của Điều lệ.

Điều 33. Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông gộp số cổ phần có quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Kiểm soát viên phải gửi thông báo về việc đề cử ứng viên Kiểm soát viên đến người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu mười lăm (15) ngày trước ngày tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Thông báo phải có thông tin cổ đông, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết đang nắm giữ, họ và tên ứng viên được đề cử, và kèm theo thông tin liên quan đến ứng viên Kiểm soát viên, tương tự như ứng viên thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại khoản 1, Điều 28, Điều lệ.

2. Công ty công bố thông tin về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán, Luật Doanh nghiệp.

Điều 34. Trình tự, thủ tục tổ chức cuộc họp Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát tổ chức cuộc họp theo các quy định tại Quy chế này, Quy định Tổ chức và Hoạt động của Ban kiểm soát nhưng phải đảm bảo các quy định tại Điều 42, Điều lệ.

2. Cuộc họp đầu tiên, định kỳ và bất thường:

a. Cuộc họp đầu tiên sau khi bầu bổ sung Kiểm soát viên, đề bầu Trưởng Ban kiểm soát và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền, phải được tiến hành trong thời hạn năm (5) ngày, kể từ ngày kết thúc bầu Kiểm soát viên.

b. Trưởng Ban kiểm soát triệu tập các cuộc họp Ban kiểm soát định kỳ.

c. Trưởng Ban kiểm soát hoặc người có thẩm quyền triệu tập các cuộc họp Ban kiểm soát bất thường theo các quy định tại Quy định Tổ chức và Hoạt động của Ban kiểm soát.

3. Thông báo cuộc họp, chương trình họp và các tài liệu liên quan phải được gửi trước cho Kiểm soát viên ít nhất năm (5) ngày trước ngày tổ chức cuộc họp.

4. Kiểm soát viên chỉ được ủy quyền cho người khác là Kiểm soát viên trong trường hợp không tham dự cuộc họp.

5. Cách thức biểu quyết và thông qua các quyết định trong cuộc họp Ban kiểm soát được thực hiện theo các quy định tại Quy định Tổ chức và Hoạt động của Ban kiểm soát.

6. Trưởng Ban kiểm soát có trách nhiệm chuyển biên bản cuộc họp Ban kiểm soát cho các Kiểm soát viên kiểm tra và ký tắt trên mỗi trang của biên bản cuộc họp. Biên bản họp Ban kiểm soát và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ chính của Công ty theo các quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy chế quản lý nội bộ khác của Công ty.

7. Ban kiểm soát thông báo các quyết định của Ban kiểm soát cho Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp trong vòng bốn mươi tám (48) giờ kể từ ngày quyết định được thông qua; và Công ty phải công bố thông tin ra công chúng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và Điều lệ.

Điều 35. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên

Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

1. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty trong năm tài chính;

2. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của nhóm cổ đông quy định tại Điều lệ;

3. Kết quả giám sát đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp;

4. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám

đốc và cổ đông.

5. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát, các quyết định của Ban kiểm soát và đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát;

6. Thù lao, lợi ích, và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên.

Điều 36. Chi phí hoạt động của Ban kiểm soát

1. Kiểm soát viên được hưởng thù lao, lợi ích và thanh toán các khoản chi phí hoạt động theo các quy định tại khoản 4, Điều 42, Điều lệ.

2. Tổng số thù lao, lợi ích và chi phí hoạt động khác mà Công ty đã thanh toán, cấp cho Ban kiểm soát và từng Kiểm soát viên được công bố trong Báo cáo thường niên của Công ty và thông báo cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

CHƯƠNG VI

CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 37. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Việc thành lập các Tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định tại Điều 34, Điều lệ. Khi chưa thành lập các Tiểu ban thì Hội đồng quản trị cử thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phụ trách các lĩnh vực, vấn đề liên quan.

Điều 38. Nguyên tắc hoạt động của các tiểu ban

Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ.

CHƯƠNG VII

NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP

Điều 39. Các tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp

Hội đồng quản trị thống nhất và công bố các tiêu chuẩn năng lực về lựa chọn người điều hành doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị. Các tiêu chuẩn năng lực do Hội đồng quản trị quyết định phải phù hợp với quy định pháp luật, Điều lệ và quy định quản lý nội bộ về nhân sự của Công ty.

Điều 40. Tổng Giám đốc

Các vấn đề liên quan đến chức danh Tổng Giám đốc được thực hiện theo các quy định tại Điều 39 của Điều lệ.

Điều 41. Việc bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp khác

Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành doanh nghiệp khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định.

Điều 42. Ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp

Công ty ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp theo các quy định của

pháp luật lao động.

Điều 43. Các trường hợp miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp

Hội đồng quản trị quyết định việc miễn nhiệm, bãi nhiệm người điều hành doanh nghiệp trong các trường hợp sau:

- a. Có đơn từ nhiệm chức danh hoặc chấm dứt hợp đồng lao động với Công ty;
- b. Không hoàn thành nhiệm vụ trong thời gian hai (2) năm liên tục;
- c. Có các thái độ và hành vi trong tiến trình làm việc, mà theo đánh giá của Hội đồng quản trị là gây ảnh hưởng tiêu cực đáng kể đến Công ty;
- d. Không đảm bảo các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Quy chế này hoặc vi phạm các quy định về quyền và nhiệm vụ của người điều hành doanh nghiệp quy định tại Điều lệ, Quy chế này, và các quy chế quản lý nội bộ khác của Công ty;
- e. Không còn tồn tại chức danh do kết quả thay đổi cơ cấu tổ chức của Công ty theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị.

Điều 44. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp

Hội đồng quản trị thông báo về việc bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động, miễn nhiệm, bãi nhiệm những người điều hành doanh nghiệp theo các quy định của pháp luật chứng khoán và đăng tải quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm người điều hành doanh nghiệp lên trang điện tử của Công ty trong vòng bốn mươi tám (48) giờ kể từ khi Hội đồng quản trị thông qua quyết định.

CHƯƠNG VIII

NGƯỜI LIÊN QUAN VÀ CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN

Điều 45. Công khai danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan

Công ty công khai người có liên quan và lợi ích có liên quan theo các quy định của pháp luật và Điều 44, Điều lệ.

Điều 46. Giao dịch với người có liên quan

Hợp đồng, giao dịch với người có liên quan phải được thực hiện theo các quy định tại Điều 44, Điều lệ. Khi tiến hành giao dịch với người có liên quan, Công ty phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện. Nội dung hợp đồng phải rõ ràng, cụ thể và công bố thông tin cho cổ đông khi có yêu cầu.

Điều 47. Đảm bảo quyền hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đến Công ty

1. Công ty phải tôn trọng quyền lợi hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đến Công ty bao gồm ngân hàng, chủ nợ, người lao động, người tiêu dùng, nhà cung cấp, cộng đồng và những người khác.
2. Công ty phải tuân thủ đầy đủ các quy định về lao động, môi trường, xã hội; hoạt động có trách nhiệm với cộng đồng và xã hội.

CHƯƠNG XIX

PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 48. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

1. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong mối quan hệ phối hợp với Ban kiểm soát

a. Thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo được gửi đến các thành viên Ban kiểm soát cùng thời gian gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị;

b. Các nghị quyết của Hội đồng quản trị được gửi đến Ban kiểm soát (đồng thời với thời điểm gửi Tổng Giám đốc) trong thời hạn theo quy định tại Quy chế này và Điều lệ;

c. Khi Ban kiểm soát đề xuất lựa chọn Kiểm toán độc lập, Hội đồng quản trị phải phản hồi ý kiến theo quy định tại Quy chế này và Điều lệ;

d. Các nội dung khác cần xin ý kiến của Ban kiểm soát phải được gửi trong thời hạn quy định và Ban kiểm soát có trách nhiệm phản hồi theo đúng quy định tại Quy chế này và Điều lệ.

2. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong mối quan hệ phối hợp với Hội đồng quản trị

a. Thường xuyên thông báo với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;

b. Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị (cùng lúc yêu cầu Tổng Giám đốc, thành viên kiểm toán nội bộ (nếu có) và đại diện Công ty kiểm toán độc lập) tham dự và trả lời các vấn đề mà thành viên Ban kiểm soát quan tâm;

c. Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm pháp luật chấm dứt vi phạm và có biện pháp khắc phục hậu quả đồng thời Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông đồng thời báo cáo, công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành;

d. Đối với các kiến nghị liên quan đến tình hình hoạt động và tài chính của Công ty thì Ban kiểm soát phải gửi văn bản và tài liệu liên quan trước ít nhất mười lăm (15) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi;

e. Các nội dung khác cần xin ý kiến của Hội đồng quản trị phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc và Hội đồng quản trị sẽ phản hồi trong vòng bảy (07) ngày làm việc.

3. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:

a. Khi thấy cần thiết phục vụ cho các công việc giám sát của mình, Trưởng Ban kiểm soát có quyền tham dự hoặc cử Kiểm soát viên có quyền tham dự hoặc cử Kiểm soát viên tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, trong cuộc họp có quyền thảo luận đóng góp ý kiến nhưng không được quyền biểu quyết.

b. Trong việc thực hiện kiểm tra giám sát của mình, nếu Ban kiểm soát:

- Phát hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vượt quá quyền hạn, trách nhiệm của mình hoặc vi phạm các quy định của pháp luật, Điều lệ, Quy chế này và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty thì Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ. Sau thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày ra

thông báo, nếu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc không tiếp thu và xử lý kịp thời thì Ban kiểm soát có quyền triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị để giải quyết; nếu vấn đề vẫn không được Hội đồng quản trị giải quyết thì Ban kiểm soát có quyền báo cáo với Đại hội đồng cổ đông trong kỳ họp gần nhất hoặc trong trường hợp cần thiết có thể triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường để giải quyết vấn đề nêu trên.

- Phát hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc hoặc hành vi của thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp không có lợi cho Công ty, cổ đông thì phải trao đổi ngay với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc để xem xét điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định đó. Nếu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc không điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định đó thì Ban kiểm soát có quyền đưa vào nội dung cuộc họp giữa Hội đồng quản trị với Ban kiểm soát quy định tại Khoản 4 Điều này để thảo luận và giải quyết.

- Các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị hoặc các vấn đề Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị sẽ quyết định trước khi có ý kiến của Ban kiểm soát. Quyết định của Hội đồng quản trị không phụ thuộc vào ý kiến của Ban kiểm soát, trong trường hợp ý kiến không thống nhất, ý kiến của Ban kiểm soát sẽ được bảo lưu và giải quyết theo các quy định tại Điều này.

4. Cuộc họp giữa Hội đồng quản trị với Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc:

- Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc cùng trao đổi công việc với nhau thông qua cuộc họp ít nhất sáu tháng một lần.

- Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc cùng trao đổi công việc với nhau thông qua cuộc họp ít nhất mỗi quý một lần.

- Hội đồng quản trị quy định trong Quy định Tổ chức và Hoạt động của Hội đồng quản trị trình tự, thủ tục triệu tập cuộc họp, cách thức tiến hành cuộc họp và thông báo kết quả cuộc họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc.

Điều 49. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc

1. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc

a. Đối với công tác tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, Hội đồng quản trị phải thông báo cho Tổng Giám đốc về việc phối hợp, sử dụng nguồn lực trong thời hạn hợp lý theo quy định tại Điều lệ.

b. Trong trường hợp cấp thiết, Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, người điều hành doanh nghiệp khác trong Công ty cung cấp các thông tin về hoạt động của Công ty. Hội đồng quản trị không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

c. Các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị phê duyệt theo quy định của pháp luật và Điều lệ mà được Tổng Giám đốc đề xuất phải được Hội đồng quản trị phản hồi trong thời hạn theo quy định của Điều lệ.

d. Hội đồng quản trị quyết định khen thưởng hoặc kỷ luật đối với việc hoàn thành hoặc không hoàn thành thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc.

2. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc

a. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Cụ thể:

- Từ chối thực hiện những quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó chủ tịch Hội

đồng quản trị hay các thành viên Hội đồng quản trị nếu thấy vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, đồng thời phải có trách nhiệm thông báo ngay với các Kiểm soát viên;

- Khi thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, phát hiện các vấn đề không có lợi cho Công ty thì phải báo cáo ngay với Hội đồng quản trị để xem xét điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định. Nếu Hội đồng quản trị không điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định thì Tổng Giám đốc vẫn phải thực hiện, nhưng có quyền bảo lưu ý kiến và kiến nghị lên Ban kiểm soát Công ty.

- Ngoài những công việc phải trình Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc có quyền chủ động điều hành hoạt động của Công ty theo các quy định phân cấp và phù hợp với quy trình làm việc được Hội đồng quản trị ban hành; được quyết định các biện pháp xử lý vượt quá thẩm quyền trong những trường hợp khẩn cấp như thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, sự cố... nhưng phải thông báo ngay cho Chủ tịch Hội đồng quản trị.

c. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm chỉ đạo lập báo cáo cho Hội đồng quản trị định kỳ hàng tháng, quý, sáu tháng, năm về tình hình hoạt động và phương hướng thực hiện trong kỳ tới của Công ty. Hàng tháng, Tổng Giám đốc hoặc người được Tổng Giám đốc ủy quyền chịu trách nhiệm báo cáo cho Hội đồng quản trị về tình hình hoạt động của Công ty để có cơ sở cho các thành viên Hội đồng quản trị kiểm tra và giám sát các hoạt động của Công ty.

d. Trường hợp Tổng Giám đốc không phải là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vẫn có quyền dự họp các cuộc họp của Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận góp ý kiến, nhưng không được quyền biểu quyết.

e. Đối với các cuộc họp Công ty được mời tham dự, trừ những trường hợp mời đích danh, thì tùy theo tính chất cuộc họp, Tổng Giám đốc phân công người đại diện Công ty tham dự họp.

Điều 50. Việc tiếp cận thông tin và cung cấp thông tin theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên

1. Việc tiếp cận thông tin:

a. Việc tiếp cận thông tin và tài liệu của Công ty, Ban kiểm soát có nghĩa vụ nêu lý do trong văn bản yêu cầu cung cấp và bảo mật tuyệt đối các thông tin thu thập trong quá trình giám sát hoạt động Công ty. Việc tiết lộ các thông tin này chỉ được phép thực hiện khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền nhưng phải thông báo cho Hội đồng quản trị trước khi cung cấp hoặc các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

b. Các thông tin và tài liệu này bao gồm:

- Thông báo mời họp cùng tài liệu liên quan, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị;
- Biên bản, Nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- Báo cáo của Tổng Giám đốc;
- Thông tin, tài liệu về quản lý, báo cáo tài chính;
- Báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị;
- Tài liệu khác liên quan.

2. Cung cấp thông tin theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên.

a. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên được quyền yêu cầu Tổng Giám đốc,

những người quản lý các đơn vị trong Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty theo các quy định tại Điều lệ.

b. Khi có nhu cầu về thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty, ngoài các thông tin, tài liệu đã được Công ty công khai, hoặc đã được gửi trong các cuộc họp hoặc được gửi theo định kỳ, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên phải gửi phiếu yêu cầu bằng thư điện tử hoặc văn bản đồng thời cho Chủ tịch Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người được yêu cầu ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày dự kiến được cung cấp. Phiếu yêu cầu phải nêu rõ danh mục và dạng lưu trữ thông tin, tài liệu, thời gian cung cấp, địa chỉ tiếp nhận và mục đích sử dụng thông tin, tài liệu được yêu cầu.

c. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Trưởng Ban kiểm soát được quyền trao đổi với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên có nhu cầu về nội dung phiếu yêu cầu và cách thức bảo mật thông tin, tài liệu được yêu cầu.

d. Người được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo phiếu yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên đồng thời yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên trực tiếp kiểm tra, ký và gửi lại phiếu giao nhận thông tin đã có chữ ký của người được yêu cầu; kể cả trường hợp thông tin, tài liệu được gửi bằng thư đảm bảo đến địa chỉ đã ghi trong phiếu yêu cầu.

e. Ngay sau khi hoàn thành việc cung cấp thông tin, người được yêu cầu phải thông báo cho Chủ tịch Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát, và Tổng Giám đốc về danh mục, trích yếu nội dung, hình thức lưu trữ của thông tin, tài liệu đã cung cấp, thời gian và địa điểm cung cấp và bản sao phiếu nhận giao nhận thông tin trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được phiếu này từ thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên.

f. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên phải tuân thủ các quy định về bảo mật thông tin của Công ty khi đến các địa điểm làm việc của Công ty, tiếp xúc và trao đổi, làm việc với bộ máy giúp việc của Tổng Giám đốc, tham gia các cuộc họp của Tổng Giám đốc với bộ máy giúp việc, và tiếp nhận các thông tin, tài liệu được cung cấp.

Điều 51. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc

1. Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc (cùng lúc yêu cầu cả thành viên Hội đồng quản trị và thành viên kiểm toán nội bộ (nếu có) và đại diện Công ty kiểm toán độc lập tham dự và trả lời các vấn đề mà các thành viên Ban kiểm soát quan tâm.

2. Cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của Ban kiểm soát phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc) gửi cho Tổng Giám đốc để có thêm cơ sở giúp Tổng Giám đốc trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, Ban kiểm soát cần phải bàn bạc với Tổng Giám đốc trước khi báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo với Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

3. Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ của Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát thông báo bằng văn bản với Tổng Giám đốc trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả đồng thời Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông đồng thời công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành;

4. Thành viên Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc tạo điều kiện tiếp cận hồ sơ,

tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty tại Trụ sở chính hoặc nơi lưu trữ hồ sơ;

5. Đối với thông tin, tài liệu về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh và báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính, văn bản yêu cầu của Ban kiểm soát phải được gửi đến Công ty trước ít nhất bốn mươi tám (48) giờ. Ban kiểm soát không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Các nội dung khác cần xin ý kiến của Tổng Giám đốc: phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc và Tổng Giám đốc sẽ phản hồi trong vòng bảy (07) ngày làm việc.

Điều 52. Phối hợp giữa Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

1. Tổng Giám đốc là người thay mặt điều hành hoạt động của Công ty, bảo đảm Công ty hoạt động liên tục và hiệu quả.

2. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu;

3. Khi có đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty, Tổng Giám đốc gửi cho Hội đồng quản trị sớm nhất có thể nhưng không ít hơn bảy (07) ngày trước ngày nội dung đó cần được quyết định;

4. Các nội dung khác cần xin ý kiến của Hội đồng quản trị phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc và Hội đồng quản trị sẽ phản hồi trong vòng (07) ngày.

CHƯƠNG X

NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 54. Tiêu chuẩn của người phụ trách quản trị công ty

Tiêu chuẩn của người phụ trách quản trị công ty thực hiện theo quy định tại Điều 36 của Điều lệ.

Điều 55. Quyền và nghĩa vụ của người phụ trách quản trị công ty

1. Quyền và nghĩa vụ của người phụ trách quản trị công ty thực hiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 36 của Điều lệ;

2. Người phụ trách quản trị công ty không được ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ đã được quy định tại Điều lệ và Quy chế này; trừ trường hợp được Hội đồng quản trị chấp thuận.

Điều 56. Bổ nhiệm và bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm người phụ trách quản trị công ty bằng quyết định của Hội đồng quản trị tại cuộc họp.

2. Hội đồng quản trị bãi nhiệm người phụ trách quản trị công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị phù hợp với các quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế này, và không trái với các quy định của pháp luật lao động. Người phụ trách quản trị công ty có thể bị bãi nhiệm khi xảy ra một trong các trường hợp sau.

a. Không còn đủ tiêu chuẩn làm người phụ trách quản trị công ty theo quy định tại Điều lệ và Quy chế này;

- b. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công; hoặc không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong vòng ba (3) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của người phụ trách quản trị công ty quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và Quy chế này;
 - d. Gửi đơn từ nhiệm bằng văn bản đến Hội đồng quản trị và được chấp thuận;
 - e. Theo quyết định của Hội đồng quản trị.
3. Hội đồng quản trị thông báo về việc bổ nhiệm, bãi nhiệm người phụ trách quản trị công ty theo các quy định của pháp luật chứng khoán và đăng tải quyết định bổ nhiệm, bãi nhiệm người phụ trách quản trị công ty lên trang điện tử của Công ty trong vòng bốn mươi tám (48) giờ kể từ khi Hội đồng quản trị thông qua quyết định.

CHƯƠNG XI

NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Điều 57. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 58. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 của Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.
4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành doanh nghiệp khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác. Điều lệ đã nói rõ rồi!
5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc người điều hành doanh nghiệp khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc doanh nghiệp, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành doanh nghiệp khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá

trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành doanh nghiệp khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành doanh nghiệp khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;

c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành doanh nghiệp khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 59. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

Trách nhiệm về thiệt hại và việc bồi thường của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp được thực hiện theo các quy định tại Điều 45, Điều lệ.

CHƯƠNG XII

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 60. Công bố thông tin định kỳ

Công ty thực hiện việc công bố thông tin định kỳ các nội dung được quy định tại Điều này và các nội dung khác theo quy định của pháp luật chứng khoán:

1. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng theo nguyên tắc mà pháp luật quy định;
2. Báo cáo thường niên và công bố báo cáo này theo quy định của pháp luật về chứng khoán;
3. Hợp Đại hội đồng cổ đông thường niên;
4. Hoạt động chào bán và báo cáo sử dụng vốn;
5. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài.

Điều 61. Công bố thông tin bất thường

Công ty thực hiện công bố thông tin bất thường với các nội dung được quy định tại Điều này và các nội dung khác theo quy định của pháp luật chứng khoán:

1. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
2. Quyết định phát hành trái phiếu chuyển đổi, cổ phiếu ưu đãi;
3. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản;
4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy phép hoạt động của Công ty được sửa đổi, bổ sung.

CHƯƠNG XIII

SỬA ĐỔI QUY CHẾ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 62. Sửa đổi Quy chế quản trị công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế Quy chế này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.
2. Trong trường hợp những quy định của Pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của Pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của Pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XIV

NGÀY HIỆU LỰC

Điều 63. Ngày hiệu lực

1. Quy chế này gồm mười bốn (14) chương, sáu mươi ba (63) Điều, được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 03 năm 2018. Quy chế này thay thế và hủy bỏ Quy chế quản trị công ty đã ban hành ngày 07 tháng 05 năm 2010.
2. Quy chế này là duy nhất và chính thức của Công ty, được lập thành năm (05) bản, có giá trị như nhau.
3. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế này chỉ có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch hoặc Phó chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc của người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chứng thực bản sao.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ


NGUYỄN VĂN ĐẠT